

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Trân là Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967;

2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Hoài P1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 12 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T trình bày:

Từ năm 2015, chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là chị V) có hợp đồng bằng lời nói để bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất cho ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà Trần Thị P. Đến ngày 02/02/2020, hai bên mới lập hợp đồng bằng văn bản, theo hợp đồng chị V có giao thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ để nuôi tôm theo đúng thỏa thuận.

Trong quá trình nuôi tôm thì vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ không trả tiền đầy đủ, rồi nợ lại. Sau đó, vợ chồng ông Đ hứa hẹn vụ sau sẽ trả đủ và xin chị V tiếp tục đầu tư nhiều vụ nuôi tiếp theo, và chị V cũng đầu tư tiếp nhiều vụ nữa. Nhưng vợ chồng ông Đ vẫn không thực hiện đúng hợp đồng. Đến ngày 12/01/2022 vợ chồng ông Đ còn nợ lại chị V số tiền là 361.209.000 đồng và ông Nguyễn Văn Đ đại diện ký xác nhận nợ.

Sau khi xác nhận nợ và thỏa thuận mua bán, chị V tiếp tục bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc hoá chất cho vợ chồng ông Đ tiếp thêm nhiều vụ nữa. Do vợ chồng ông Đ nuôi tôm không hiệu quả dẫn đến nợ chị V thêm số tiền là 56.730.000 đồng. Cho đến ngày 20/11/2022, vợ chồng ông Đ đã ký xác nhận còn nợ chị V tổng số tiền là 417.939.000 đồng.

Do ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P nhiều lần vi phạm hợp đồng và việc thỏa thuận trả nợ. Đồng thời kể từ ngày 20/11/2022, vợ chồng ông Đ đã chuyển qua mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất của cửa hàng khác và không thỏa thuận được phương án trả nợ cho chị V.

Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P có trách nhiệm trả cho chị V – Chủ hộ kinh doanh T số tiền nợ vốn gốc là 417.939.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng theo thỏa thuận.

Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 7 năm 2024 và các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2022, vợ chồng ông Đ, bà P có mua và trả tiền nhiều lần đối với thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản của Đại lý thức ăn thủy sản T do chị Thạch Thị Sa V làm chủ. Tính đến ngày 20/11/2022, chị V chốt nợ với vợ chồng ông Đ, thì vợ chồng ông Đ còn nợ lại chị V tổng cộng 417.939.000 đồng. Nay ông Đ đồng ý trả nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản cho chị V số tiền 417.939.000 đồng, ông Đ không đồng ý trả lãi suất vì theo hợp đồng không có thỏa thuận trả lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị P trình bày:

Bà P thống nhất với lời trình bày của ông Đ. Tính đến ngày 20/11/2022, bà P với ông Đ còn nợ Đại lý thức ăn thủy sản Tư Tâm do chị Thạch Thị Sa V làm chủ với số tiền tổng cộng 417.939.000 đồng. Bà P đồng ý cùng với ông Đ trả cho

chị V số tiền còn nợ 417.939.000 đồng, bà P không đồng ý trả lãi suất vì theo hợp đồng không có thỏa thuận trả lãi suất và khi bán đã có lãi rồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoài P1 trình bày:

Anh P1 là chồng của chị Thạch Thị Sa V, chị V là chủ hộ kinh doanh Tư Tâm, Trong nội dung hợp đồng mua bán lập ngày 02/02/2020, có ghi bên bán là anh P1 và vợ anh P1 đại diện đại lý thức ăn thủy sản T ký hợp đồng với ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P. Tiền kinh doanh là tài sản chung của vợ chồng nên khi lập hợp đồng có ghi tên anh P1 nhưng điều hành và đại diện cho việc kinh doanh do chị V là người điều hành và làm chủ. Anh P1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị V, không có ý kiến gì thêm.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là các đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản là 417.939.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2022, cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P, cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà P phải trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc, hóa chất còn nợ và tiền lãi suất. Chị V đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị V nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị V đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị V là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng

theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản là 417.939.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/11/2022, cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P đều thừa nhận có ký hợp đồng mua bán với chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh Tư Tâm vào ngày 02/02/2020, có ký các biên bản xác nhận nợ lập ngày 12/01/2022, ngày 03/4/2024 và xác nhận công nợ lập ngày 20/11/2022, thì ông Đ và bà P còn nợ chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là chị V) số tiền 417.939.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P còn nợ chị V số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản là 417.939.000 đồng là sự thật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Đ, bà P đồng ý trả số tiền nợ vốn gốc cho nguyên đơn, không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn vì trong hợp đồng không có thỏa thuận trả lãi.

[5] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Thỏa thuận theo hợp đồng, thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt 100% trước hoặc ngay sau khi thu hoạch tôm”. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong bên mua là ông Đ, bà P không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là chị V. Do đó, chị V yêu cầu các bị đơn ông Đ và bà P phải trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất còn nợ 417.939.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét về yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất từ ngày 21/11/2022, cho đến khi trả dứt số tiền nợ với lãi suất là 1%/1 tháng trên số tiền nợ gốc 417.939.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn không đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng khi bán nguyên đơn đã có lãi và hợp đồng mua bán không có thỏa thuận lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng mua bán lập ngày 02/02/2020 giữa nguyên đơn với bị đơn, thì tại Điều 4 có quy định: “Trường hợp bên B (bên mua) không thanh toán đủ sẽ không được chiết khấu, đồng thời phần nợ còn lại sẽ tính lãi suất 1%/tháng cho đến khi bên B thanh toán hết”; tại các biên bản xác nhận nợ lập ngày 12/01/2022, ngày 03/4/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn đều có thỏa thuận trả lãi suất cho nguyên đơn 1%/tháng/ số

tiền kể từ ngày nhận nợ và tại văn bản xác nhận công nợ ngày 20/11/2022, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vốn gốc tổng cộng là 417.939.000 đồng. Căn cứ vào Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 3 quy định: “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”, theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này...”. Theo khoản 1 Điều 468 quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có quy định khác...”. Căn cứ vào các quy định nêu trên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền lãi suất 1%/1 tháng trên số tiền nợ gốc 417.939.000 đồng tính từ ngày 21/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi tính từ ngày 21/11/2022 đến ngày 14/8/2024 là 20 tháng 25 ngày x 417.939.000 đồng x 1%/tháng = 87.070.625 đồng.

[7] Từ những nhận định tại các đoạn [4], [5], [6], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất còn nợ với số tiền 417.939.000 đồng và số tiền lãi là 87.070.625 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 505.009.625 đồng

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.200.385 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ông Nguyễn Văn Đ nộp 12.100.193 đồng, bà Trần Thị P nộp 12.100.192 đồng).

[10] Nguyên đơn bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 430; khoản 1, 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P.

2. Xử buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T tiền mua thức ăn thủy sản, vôi, thuốc và hóa chất còn nợ vốn gốc với số tiền 417.939.000 đồng và số tiền lãi là 87.070.625 đồng. Tổng cộng nợ vốn gốc và tiền lãi là 505.009.625 đồng (năm trăm linh năm triệu không trăm linh chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 15/8/2024), ông Đ và bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng của số tiền nợ vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vốn gốc trên.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.200.385 đồng (ông Nguyễn Văn Đ nộp 12.100.193 đồng, bà Trần Thị P nộp 12.100.192 đồng).

3.2. Nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 10.425.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004437 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn